

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG PRO BUILD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG PRO BUILD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PRO BUILD CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PRO BUILD JSC.,

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110794041

**3. Ngày thành lập:** 24/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 7 tòa nhà Lilama 10, số 56 Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934555183

Fax:

Email: [Thangnt.probuild@gmail.com](mailto:Thangnt.probuild@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 3.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                               | 2391        |
| 4.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                    | 2392        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                            | 2393        |
| 6.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                           | 2511        |
| 7.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                               | 2512        |
| 8.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                            | 3700        |
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101        |
| 10. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt                                                            | 4211        |
| 12. | Xây dựng công trình đường bộ                                                             | 4212        |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                 | 4221        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                      | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                       | 4223        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                                        | 4229        |
| 17. | Xây dựng công trình thủy                                                                 | 4291        |
| 18. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                          | 4292        |
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                    | 4293        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                               | 4299        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                   | 4311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330 |
| 27. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 4390 |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                             | 4663 |
| 29. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: kinh doanh bất động sản.                                                                                                                                                         | 6810 |
| 30. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>(Trừ đấu giá, tư vấn pháp luật về bất động sản). | 6820 |
| 31. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                 | 7110 |
| 32. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                           | 7212 |
| 33. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310 |
| 34. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710 |
| 37. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                       | 7721 |
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                      | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>KHÁNH THƠ  | Tập thể trường<br>CBQL Vĩnh<br>Quỳnh, Xã Vĩnh<br>Quỳnh, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        | 0381730152<br>07                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 2,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>TOÀN THẮNG | Phòng 302 E11,<br>Phường Thanh<br>Xuân Bắc, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 75.000        | 750.000.000              | 15,000       | 0260810076<br>22                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                              | Tổng số                            | 75.000        | 750.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                 |                           |         |               |        |                  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG | Tổ 8, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Tổng số                   | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  | 0331780041<br>66 |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
| 4 | VŨ VĂN DOANH      | Xóm 4, Xã Hùng Tiến, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 0370810130<br>73 |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 15.000  | 150.000.000   | 3,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Tổng số                   | 15.000  | 150.000.000   | 3,000  |                  |
| 5 | PHAN MINH CHÍNH   | Tổ dân phố số 5, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 0010710296<br>72 |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 132.500 | 1.325.000.000 | 26,500 |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                 | Tổng số                   | 132.500 | 1.325.000.000 | 26,500 |                  |

|   |                         |                                                                                                                                          |                                    |         |               |        |                  |
|---|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 6 | NGUYỄN THỊ<br>BÍCH NGỌC | Số 200/4/32<br>Nguyễn Văn<br>Hường, Phường<br>Thảo Điền, Thành<br>phố Thủ Đức,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  | 0791770299<br>91 |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 132.500 | 1.325.000.000 | 26,500 |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 132.500 | 1.325.000.000 | 26,500 |                  |
| 7 | PHAN VĂN<br>ĐỒNG        | Xóm 13, Xã Bình<br>Hòa, Huyện Giao<br>Thủy, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  | 0360780025<br>71 |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 10.000  | 100.000.000   | 2,000  |                  |
| 8 | TRẦN THỊ HÀ             | Phòng 0211A<br>sảnh căn hộ W3,<br>Tòa nhà Vinhomes<br>Westpoint,<br>Phường Mễ Trì,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  | 0241830075<br>78 |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000  | 250.000.000   | 5,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                                          | Tổng số                            | 25.000  | 250.000.000   | 5,000  |                  |

|   |                |                                                                                                        |                           |        |             |        |                  |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 9 | PHAN CHÍNH QUỲ | S6A5A-22-23<br>Vinhomes Symphony,<br>Phường Phúc Lợi,<br>Quận Long Biên,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 0330810030<br>76 |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần phổ thông         | 90.000 | 900.000.000 | 18,000 |                  |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                                        | Tổng số                   | 90.000 | 900.000.000 | 18,000 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TOÀN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026081007622

Ngày cấp: 23/02/2024

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 302 tòa E11, khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 302 tòa E11, khu tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội